

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PÁC NẶM
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2017/HSST
Ngày 24/7/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM - TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Chu Đức Quế***

*Các hội thẩm: 1. Ông **Hà Văn Thuyết***

*2. Ông **Dương Văn Bằng***

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Trần Văn Thề** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Thắm** – Kiểm sát viên.*

Ngày 24 tháng 7 năm 2017 tại Chợ trung tâm xã C, huyện P, Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 07/2017/HSST, ngày 30 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Nguyễn Văn N** – sinh ngày 12/8/1966 tại xã Đ, huyện N, tỉnh T; trú tại: thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh T; trình độ văn hoá: 4/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Nguyễn Thế P và con bà Hà Thị C; vợ: Mạc Thị L; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1988 con nhỏ sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/3/2017 cho đến nay (có mặt).

2. Bị cáo **Bàn Văn C** – sinh năm 1963 tại xã Đ, huyện N, tỉnh T; trú tại: thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh T; trình độ văn hoá: Không biết chữ; nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Bàn Văn H và con bà Bàn Thị L; vợ: Bàn Thị T, con: Có

03 con, lớn sinh năm 1980, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/3/2017 cho đến nay (có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N và Bàn Văn C:

Ông Đinh Xuân Diệu (Có mặt)

Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn N và Bàn Văn C bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm truy tố về hành vi phạm tội như sau: Vào hồi 05 giờ 20 phút ngày 24/3/2017 tại thôn B, xã B, huyện P, tổ công tác Công an huyện Pác Nặm phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Văn N sinh năm 1966, trú tại thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh T và Bàn Văn C sinh năm 1963, trú tại thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh T đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ một gói chất màu đen dạng cục nghi là ma túy, số tiền 158.000đ và một số đồ vật có liên quan. Kiểm tra gần khu vực hai đối tượng đang đứng phát hiện và thu giữ một gói nilon màu trắng bên trong có chất màu đen dạng cục nghi là ma túy và ba gói nhỏ chất dẻo màu đen nghi là nhựa thuốc phiện được gói bằng giấy nilon màu trắng trong suốt. Nguyễn Văn N và Bàn Văn C khai nhận toàn bộ số chất màu đen dạng cục và ba gói nhỏ chất dẻo màu đen mà cơ quan Công an thu giữ là thuốc phiện do N và C vừa đi mua với một người đàn ông ở huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng về để sử dụng.

Ngày 24/3/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm tiến hành mở niêm phong, cân xác định trọng lượng chất ma túy, đồng thời ra quyết định trưng cầu giám định.

Tại bản Kết luận giám định số 38/KTHS - MT ngày 28/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất dẻo màu đen trong phong bì ký hiệu C4 thu giữ của Bàn Văn C và Nguyễn Văn N gửi giám định là chất ma túy, loại thuốc phiện. Trọng lượng (khối lượng) mẫu chất dẻo màu đen có trong phong bì ký hiệu C4 là 7,555g. Trọng lượng (khối lượng) mẫu chất màu đen dạng cục có trong phong bì ký hiệu C3 là 1,719g; Trọng lượng (khối lượng) mẫu chất màu đen dạng cục có trong phong bì ký hiệu C4 là 5,107g.

Tại bản Kết luận giám định số 1973/C54 ngày 09/5/2017 Viện khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát kết luận: Chất màu đen dạng cục trong mẫu kí hiệu C3 và C4 gửi giám định đều có chất ma túy Morphine, Codeine và Heroine. Mẫu kí hiệu C3: Heroine có hàm lượng 0,1%, trọng lượng 0,002gam; Morphine có hàm lượng 1,4%, trọng lượng 0,024gam; Codeine có hàm lượng 0,5%, trọng lượng 0,009gam. Mẫu kí hiệu C4: Heroine có hàm lượng 0,1%, trọng lượng 0,005gam; Morphine có hàm lượng 1,4%, trọng lượng 0,071gam; Codeine có hàm lượng 0,4%, trọng lượng 0,020gam. Morphine và Codeine nằm trong danh mục II, Heroine nằm trong danh mục I Nghị định 82/2013/NĐ - CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Pác Nặm N, C khai nhận: Do bản thân có sử dụng chất ma túy (thuốc phiện), nên chiều ngày 23/3/2017 N rủ C thống nhất cùng đi đến thị trấn B, huyện BL, tỉnh C để mua thuốc phiện về sử dụng, C đồng ý và đưa cho N số tiền 250.000đ để cùng mua thuốc phiện, N điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 22H7 - 2231 chở C lên thị trấn B, huyện BL, tỉnh C. Lên đến nơi N gặp và trao đổi mua nhựa thuốc phiện với một người đàn ông tên Th (không xác định được nhân thân, lai lịch) với số tiền 500.000đ (trong đó có 250.000đ là tiền của C), Th đồng ý và hướng dẫn N đi theo đường quốc lộ hướng từ huyện BL đi huyện NB khoảng một km ở bên trái đường sẽ thấy một hòn đá phía trên có đặt một cành cây còn tươi và lật hòn đá lên thì có sẵn ma túy ở dưới, ngoài ra N xin Th xái thuốc phiện thì Th đồng ý và nói có sẵn dưới hòn đá. N một mình đi theo chỉ dẫn và lấy được một gói nilon màu trắng bên trong có xái thuốc phiện và ba gói nhỏ nhựa thuốc phiện được gói bằng nilon màu trắng trong suốt rồi đặt vào dưới hòn đá số tiền 500.000đ. Lấy được thuốc phiện N đưa toàn bộ cho C cầm và điều khiển xe mô tô chở C đi về. C đồng ý cầm một gói ma túy N đưa cho, trên đường đi C mở gói nilon màu trắng lấy một ít xái thuốc phiện gói lại bằng giấy trắng rồi giấu vào trong mũ bảo hiểm C đang đội, số còn lại giấu trong túi áo ngực. Khoảng 01 giờ ngày 24/3/2017 khi đi đến thôn B, xã BT, huyện P thì gặp tổ công tác Công an huyện Pác Nặm yêu cầu dừng xe để kiểm tra, C sợ bị phát hiện nên đã lấy gói ma túy giấu trong túi áo ngực thả xuống lề đường, sau đó N và C tiếp tục đi được khoảng ba km thì dừng lại nghỉ đợi trời sáng thì quay lại lấy lại gói ma túy. Khoảng 05 giờ, C và N quay lại đến

vị trí C đã thả gói thuốc phiện xuống lề đường thì bị Cơ quan Công an huyện Pác Nặm kiểm tra phát hiện, bắt quả tang thu giữ số thuốc phiện giấu trong mũ bảo hiểm của C và số thuốc phiện C đã thả xuống lề đường.

Tại bản cáo trạng số: 08/KSĐT- MT, ngày 30/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Bàn Văn C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn N, Bàn Văn C đã hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình là do bản thân nghiện chất ma túy nên vào hồi 05 giờ 20 phút ngày 24/3/2017 Nguyễn Văn N và Bàn Văn C đã có hành vi tàng trữ 7,555g chất ma túy loại thuốc phiện; 0,029g chất ma túy loại Codeine, 0,95g chất ma túy loại Morphine và 0,007g chất ma túy loại Heroin với mục đích để sử dụng cá nhân thì bị cơ quan Công an huyện Pác Nặm phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tang vật.

Tổng hợp các chứng cứ và đánh giá diễn biến khách quan của vụ án thấy rằng Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Bàn Văn C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

Tuy nhiên tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a)...

b) Nhựa thuốc phiện... có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;

...

Do đó để đảm bảo nguyên tắc áp dụng pháp luật hình sự, nội dung của Nghị quyết số: 41/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 thì hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn N, Bàn Văn C được áp dụng theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương, làm cản trở chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về việc chống và loại trừ tệ nạn ma túy ra khỏi đời sống xã hội. Do vậy cần xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn N không có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Bàn Văn C có nhân thân xấu năm 1990 bị Tòa án nhân dân tỉnh TQ xử phạt 36 tháng tù về tội "Cướp tài sản", năm 1997 bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" bị cáo đã được xóa án tích. Đến nay bị cáo không có tiền án, tiền sự, trong vụ án này bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Để răn đe và phòng chống tệ nạn ma túy tại địa phương cũng như trong xã hội, đồng thời nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện cần áp dụng hình phạt tù đưa các bị cáo vào trại cải tạo một thời gian nhất định.

Các bị cáo có thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/3/2017 nên được tính vào thời gian chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo thực hiện hành vi mua ma túy để sử dụng không có mục đích thu lợi bất chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn N và Bàn Văn C.

Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt và áp dụng mức hình phạt thấp nhất đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: 02 phong bì niêm phong ghi mẫu vật trả vụ số 38/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn và mẫu vật hoàn trả sau giám định của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, cần tịch thu tiêu hủy.

Quá trình điều tra thu giữ của bị cáo Như 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NoKia màu đen, một đăng ký xe mô tô số 0049027 mang tên Hà Văn T, một giấy phép lái xe số T545745 mang tên Nguyễn Văn N nhưng xác định không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo N.

Đối với chiếc xe mô tô màu đen nhãn hiệu Loncin biển kiểm soát 22H7 - 2231 do cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo N, quá trình điều tra đã xác định là tài sản chung của gia đình nên trả lại cho bị cáo N.

Số tiền 140.000đ (Một trăm bốn mươi nghìn đồng) do cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn N xác định không phải do phạm tội mà có cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Số tiền 18.000đ (Mười tám nghìn đồng) do cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Bàn Văn C xác định không phải do phạm tội mà có cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo Nguyễn Văn N và Bàn Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

*** Tuyên bố:** Các bị cáo Nguyễn Văn N và Bàn Văn C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

*** Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn N 12 (Mười hai) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 24 tháng 3 năm 2017).

- Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

*** Xử phạt:** Bị cáo Bàn Văn C 15 (Mười lăm) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 24 tháng 3 năm 2017).

*** Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu, tiêu hủy 02 phong bì niêm phong ghi mẫu vật trả vụ số 38/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn và mẫu vật hoàn trả sau giám định của Viện khoa học hình sự Bộ Công an.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn N một chiếc xe mô tô màu đen nhãn hiệu Loncin biển kiểm soát 22H7 - 2231, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NoKia màu đen, một đăng ký xe mô tô số 0049027 mang tên Hà Văn T, một giấy phép lái xe số T545745 mang tên Nguyễn Văn N.

Tạm giữ số tiền 140.000đ (Một trăm bốn mươi nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Văn N để đảm bảo thi hành án.

Tạm giữ số tiền 18.000đ (Mười tám nghìn đồng) của bị cáo Bàn Văn C để đảm bảo thi hành án.

(Việc xử lý vật chứng số lượng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/7/2017 và biên bản giao nhận tài sản giữ hộ ngày 18/7/2017 giữa Công an huyện Pác Nặm và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm).

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Văn N, Bàn Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Báo cho các bị cáo, người bào chữa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (01 bản)
- VKSND huyện (01 bản)
- CA huyện (02 bản)
- Sở Tư pháp (01 bản)
- THADS huyện (01 bản)
- Các bị cáo (02 bản)
- Lưu HS (01 bản)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Chu Đức Quế

